

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua
Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: **Không** tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mai T1, sinh năm 1971 – có mặt

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 – vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T1 và ông T2 vợ chồng tổ chức lễ cưới vào 19/6/1999 tại, hôn nhân do mai mối, tự nguyện không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 18 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2018 và chính thức ly

thân đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo bà T1 là do ông T2 thường xuyên ghen tuông vô cớ, mỗi lần uống rượu về là ông T2 kiểm chuyện đánh đập, chửi vợ, con nên làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình, vào tháng 5/2018 ông T2 bỏ đi ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng nhưng mỗi lần về nhà là ông T2 lại kiểm chuyện cự cãi, chửi mắng bà T1 nên vợ chồng không thể hàn gắn. Hơn nữa, vào năm 2019 thì bà T1 có gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng khi đó ông T2 xin tha thứ, hứa sẽ thay đổi nên bà T1 đã rút đơn nhưng khi về thì ông T2 vẫn tánh nào tật nấy không chịu thay đổi nên bà T1 quyết định ly hôn.

- Về con chung: Bà T1 trình bày vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000 và Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay Tấn L đang sống với bà T1, còn Ngọc N đã thành niên và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Bà T1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà T1 giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T2; Về con chung bà T1 yêu cầu được nuôi cháu Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000, đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của bà T1.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho ông T2 đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T2 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay bà T1 giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T2; Về con chung bà T1 yêu cầu được nuôi cháu Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000, đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà T1 và ông T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T2 là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông T2 thường có hành vi bạo lực gia đình, không tôn trọng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Hơn nữa, bà T1 đã có một lần gửi đơn xin ly hôn với ông T2 tuy nhiên đã rút đơn nhưng thời gian vợ chồng đoàn tụ thì ông bà vẫn không thay đổi để giữ vững hạnh phúc gia đình mà tiếp tục phải gửi đơn yêu cầu ly hôn lần thứ hai. Hiện nay bà T1 vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T2.

Tại phiên tòa hôm nay ông T2 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của bà T1 thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay bà T1 xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông T2 không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Bà Lê Thị Mai T1 yêu cầu được nuôi cháu Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000, đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay ông T2 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà T1 nhưng ông T2 không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu này của bà T1 thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy từ khi bà T1 và ông T2 ly thân đến nay thì cháu L đều do bà T1 chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định về cuộc sống, hơn nữa cháu L đang trong quá trình phát triển tâm sinh lý tránh làm xáo trộn chỗ ở và trường học. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T1 giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012 cho bà T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000, đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mai T1 phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010040, ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mai T1.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Mai T1 ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 20/02/2012 cho bà T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng con chung là Lê Thị Ngọc N, sinh năm 2000, đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mai T1 phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010040, ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sương

Nguyễn Văn Mua

Nguyễn Thị Tuyết Sương